TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST- DS	Kim Động, ngày 09 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị L - Sinh năm 1959.

HKTT: Thôn N - xã M - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn:

- Ông Phan Văn Y - Sinh năm 1967.
- Bà Lê Thị D - Sinh năm 1972.

Đều HKTT: Thôn T - xã Đ - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn C - Sinh năm 1945.
- Bà Hoàng Thị T - Sinh năm 1946.

Đều trú tại: Tổ 15 - phường P - thành phố T - tỉnh Thái Nguyên.

Ông C là người được bà T ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Ông Trần Văn H - Sinh năm 1955 (đã chết)
- Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tài sản của ông H:

+ Bà Bùi Thị T (tên gọi khác Đ) - Sinh năm 1962.
+ Anh Trần Văn Y - Sinh năm 1983.
+ Anh Trần Văn P - Sinh năm 1995.

Đều trú tại: Thôn C - xã Đ - huyện V - tỉnh Yên Bái.

+ Chị Trần Thị A - Sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ 3 - Khu 3 - thị trấn M - huyện V - tỉnh Yên Bái.

Chị Anh là người được bà T, anh Y, anh P ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Bà Trần Thị Đ - Sinh năm 1949.

Trú tại: Thôn T - xã Đ - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/02/2018 thực tế đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 28 diện tích 812m ^{2}(Diện tích trong sổ cũ là 832m^2)và thửa số 281, tờ bản đồ số 28 có diện tích 345m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nguồn gốc các thửa đất trên là của các cụ Trần Thắng H và Nguyễn Thị H, khi chết để lại cho các đồng thừa kế là bà L, ông C, bà Đ, các đồng thừa kế của ông H (gồm bà T, chị A, anh P, anh Y). Bà L, ông C, bà Đ, các đồng thừa kế của ông H (gồm bà T, chị A, anh P, anh Y) và ông Y, bà D thỏa thuận thống nhất:

* Bà L, ông C, bà Đ, các đồng thừa kế của ông H (gồm bà T, chị A, anh P, anh Y) được quyền sử dụng chung tổng diện tích đất là 378m^2 (trong đó có 70m^2 đất ONT và 308m^2 đất trồng cây lâu năm), căn cứ theo mức giá trên mét vuông đã được Hội đồng định giá tài sản định giá ngày 23/8/2016 đối với đất ONT có giá là 700.000 đồng/1m^2 và đất trồng cây lâu năm có giá là 73.000 đồng/1m^2. Tổng giá trị là 73.484.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng), trên đất có 01 nhà hai tầng có các cạnh như sau:

+ Phía Bắc giáp gia đình ông Trần Văn C và ông Trần Văn K rộng 8,45 m;

+ Phía Nam giáp đường bê tông rộng 9,4m;

+ Phía Đông giáp gia đình ông Trần Văn Q dài 42,4m;

+ Phía Tây giáp diện tích đất của ông Phan Văn Y và bà Lê Thị D đang sử dụng dài 42,6m.

* Gia đình ông Phan Văn Y và bà Lê Thị D tiếp tục được quyền sử dụng tổng diện tích đất là 788.3m^2 (Trong đó có 130m^2 đất ONT và 658.3m^2 đất trồng cây lâu năm), căn cứ theo mức giá trên mét vuông đã được Hội đồng định giá tài sản định giá ngày 23/8/2016 đối với đất ONT có giá là 700.000 đồng/1m^2 và đất trồng cây lâu năm là 73.000 đồng/1m^2. Tổng trị giá là 139.055.900 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi năm nghìn, chín trăm đồng) có các cạnh như sau:

+ Phía Bắc giáp gia đình bà Trần Thị D và ông Trần Văn K rộng 16,55m;

+ Phía Nam giáp đường bê tông rộng 20.05m;

+ Phía Đông giáp diện tích của bà L, ông C, bà Đ, các đồng thừa kế của ông H (gồm bà T, chị A, anh P, anh Y) dài 42,6m;

+ Phía Tây giáp gia đình bà Lê Thị L dài là 43,7m.

(Có sơ đồ kèm theo).

* Đối với các tài sản khác trên đất bà L, bà Đ, ông C, các đồng thừa kế của ông H (gồm bà T, chị A, anh P, anh Y)và ông Y, bà D sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau và đều nhất trí tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bà L, ông C, bà Đ, các đồng thừa kế của ông H (gồm bà T, chị A, anh P, anh Y) và ông Y, bà D chịu trách nhiệm thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

+ Bà L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên phần diện tích đất bà và các đồng thừa kế được quyền sử dụng là: 1.837.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Liệu đã nộp là 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 006895 ngày 04/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Trả lại bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí là 9.163.000 đồng.

+ Ông Phan Văn Y và bà Lê Thị D tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên phần diện tích đất ông bà được quyền sử dụng là: 3.476.000 đồng đối

trừ số tiền 300.000 đồng ông Y đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 007180 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Ông Y và bà D còn phải nộp là 3.176.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng

- **Nơi nhận:**
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND huyện và UBND xã Đ (để biết)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;